TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2025/DS-ST
Ngày 18-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Bích T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: 64/23A TQK, phường TĐ, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Chí N, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp THLA, xã TT, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị Thùy L; địa chỉ cư trú: Ấp THLA, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thanh T; địa chỉ cư trú: Khóm CTA, phường TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Bích T trình bày: Ngày 01/01/2022, anh N, chị L có vay của chị 100.000.000đ, lãi suất 3.000.000đ/tháng, thời hạn trả một năm. Khi hết hạn vay, chị có nhắn tin yêu cầu anh N trả số tiền nợ nhưng anh N nói không có tiền trả. Đến năm 2024, chị đã nhiều lần yêu cầu anh N, chị L trả số tiền nợ vay nhưng đến nay vẫn không trả.

Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh N và chị L trả 100.000.000đ tiền vốn và 61.666.000 đồng tiền lãi (tạm tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày 01/8/2025) và yêu cầu tiếp tục trả lãi từ ngày 02/8/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên Tòa, chị yêu cầu anh N và chị L trả 100.000.000đ tiền vốn và 62.000.000 đồng tiền lãi.

Anh Trần Chí N trình bày: Ngày 01/01/2022, chị Nguyễn Thanh T có nhờ anh vay của chị T 100.000.000đ, lãi suất 3.000.000đ/tháng, thỏa thuận thời hạn trả một năm. Sau khi vay, chị T là người đóng tiền lãi.

Tại phiên Tòa, anh đồng ý trả cho chị T 100.000.000đ tiền vốn, yêu cầu chị T không tính tiền lãi. Trường hợp, chị T tính lãi thì anh yêu cầu chị T trả cho anh số tiền vốn, lãi theo như chị T yêu cầu đối với anh.

Chị Nguyễn Thanh T trình bày: Ngày 01/01/2022, chị có nói với chị T cho anh N vay 100.000.000đ để anh N xoay sở việc làm ăn nhưng trên thực tế chị và anh N có làm ăn chung và nợ anh N, lãi suất 3.000.000đ/tháng, trả lãi hàng tháng. Sau khi vay, chị đã đóng lãi được 06 tháng, chưa trả vốn. Chị yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Chị đồng ý trả cho anh N 100.000.000đ và tiền lãi theo luật định.

Đối với chị Trần Thị Thùy L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thanh Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Xét yêu cầu trả vốn vay: Theo lời trình bày của chị T, anh N, chị T và Giấy mượn tiền, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 01/01/2022, chị T đã cho anh N vay 100.000.000đ, lãi suất 3.000.000đ/tháng, sử dụng trong công việc làm ăn giữa anh N với chị T. Sau khi vay, chị T đóng lãi được 06 tháng số tiền 18.000.000đ, chưa trả vốn. Nên chị T yêu cầu phía bị đơn trả số tiền vốn 100.000.000đ là có cơ sở được chấp nhận.

[2.1] Xét yêu cầu trả lãi: Tại phiên Tòa, chị T yêu cầu anh N trả số tiền lãi 62.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Trong thời gian vay tiền, anh N và chị L đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân, mục đích vay sử dụng kinh doanh lo cho cuộc sống gia đình và chị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự

kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, khoản nợ trên là nợ chung của anh N và chị L nên cần buộc anh N và chị L cùng trả là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu của N về việc yêu cầu chị T trả số tiền 162.000.000đ, thấy rằng: Theo như nhận định trên và lời trình bày của chị T tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị T đồng ý trả cho anh N số tiền vốn 100.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Nên cần chấp nhận yêu cầu của anh N, buộc chị T trả cho anh N số tiền 162.000.000đ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh N và chị L trả cho chị T số tiền 162.000.000đ. Chấp nhận yêu cầu của anh N, buộc chị T trả cho anh N số tiền 162.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T không phải chịu, đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000đ được nhận lại. Anh N, chị L và chị T mỗi bên phải chịu 162.000.000đ x 5% = 8.100.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích T. Buộc anh Trần Chí N và chị Trần Thị Thùy L trả cho chị Phạm Bích T số tiền 162.000.000đ (một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Chí N. Buộc chị Nguyễn Thanh T trả cho anh Trần Chí N số tiền 162.000.000đ (một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản các tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Bích T không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) theo biên lai số 0012059 ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại. Anh Trần Chí N và chị Trần Thị Thùy L phải chịu 8.100.000đ (tám triệu một trăm nghìn đồng), anh N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.040.000đ (bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0012129 ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, đối trừ còn phải nộp tiếp số tiền

4.060.000đ (bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 8.100.000đ (tám triệu một trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng